

Bản án số: **284/2024/HS-ST**
Ngày 27 – 11 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Dũng
2. Ông Lê Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 327/2024/TLST-HS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh S**; Giới tính: nam; Sinh năm 1998 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: 286/9 ấp 9, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Nhà không số, Ấp 34, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024. (có mặt)

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Ái E, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Nhà không số, Ấp 35, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 2006; Nơi cư trú: Tổ 6, thôn Tây Lạc, ấp An Chu, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

2/ Bà Trần Mỹ H1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Nhà không số, Ấp 35, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Ái E và bị cáo Nguyễn Thanh S cùng làm thuê tại xưởng ó keo; địa chỉ nhà không số, Ấp 34, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 07 giờ ngày 29/6/2024, ông E điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 59D2-150.84, bên trong cốp xe có để số tiền 16.000.000 đồng đến xưởng ó keo để làm việc như thường ngày. Sau khi dựng xe mô tô ở mái hiên cạnh xưởng (vẫn cắm chìa khóa trên xe), ông Ái E đi vào bên trong xưởng làm việc. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi làm xong ca của mình, Nguyễn Thanh S ra khỏi xưởng ó keo thì nhìn thấy xe mô tô biển số 59D2 - 150.84 không có ai trông coi và có sẵn chìa khóa cắm trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo liền gọi điện thoại cho L (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi L về chỗ bán xe thì L đồng ý và hẹn gặp S tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc. Sau đó, bị cáo lén lút đến lấy xe mô tô trên của ông Nguyễn Ái E, khởi động máy rồi leo lên xe ngồi, quay đầu xe hướng ra đường nội bộ, Ấp 34, xã A, huyện B.

Lúc này, ông Nguyễn Hữu Th là người làm chung xưởng nhìn thấy và hỏi đi đâu vậy thì bị cáo trả lời đi mua xăng rồi điều khiển xe đến Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Ấp 52, xã A thì dừng lại. Tại đây, bị cáo mở cốp xe thấy bên trong có 16.000.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân của ông E nên bị cáo chiếm đoạt số tiền này bỏ vào túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe đến ngã tư Đường số 7 và Đường số 2, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Ấp 52, xã A thì gặp được L. Bị cáo nói với L là có tiền rồi nên không bán xe nữa.

Sau đó, bị cáo cùng L đi uống rượu bia tại 01 quán vỉa hè gần cầu vượt A, phường Đ, Quận 12. Trong lúc ngồi tại quán, L hỏi mượn tiền và muốn bán 01 điện thoại Iphone XR cho bị cáo giá 2.700.000 đồng thì bị cáo đồng ý. Tiếp đó, bị cáo cùng L về đến gần siêu thị AEON B thì L kêu bị cáo đứng đợi, L chạy về phòng trọ lấy ra đưa cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu trắng. Bị cáo liền đưa cho L 5.000.000 đồng gồm 2.700.000 đồng tiền mua điện thoại và cho L mượn 2.300.000 đồng. Sau đó, L mượn điện thoại di động hiệu OPPO A3 của bị cáo để sử dụng nên S đưa điện thoại của mình cho L.

Sau khi phát hiện xe mô tô biển số 59D2-150.84 bị mất trộm và được ông Nguyễn Hữu Th cho biết là thấy bị cáo điều khiển xe đi khỏi xưởng, ông E không liên lạc được với bị cáo nên đến trình báo Công an xã A.

Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 2006) - người chung sống như vợ chồng với bị cáo gọi qua ứng dụng Messenger nói với bị cáo đem xe về thì bị cáo tắt máy.

Đến khoảng 17 giờ ngày 30/06/2024, bị cáo gọi điện thoại cho bà H hẹn ra gần siêu thị AEON Bình Dương để lấy xe mô tô biển số 59D2 - 150.84 về trả

cho ông Ái E, còn số tiền 16.000.000 đồng thì bị cáo sẽ đi làm kiếm tiền và trả lại sau. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59D2 - 150.84 đến trước bãi đất trống, Đại lộ B, khu phố B, phường T, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gặp bà H, giao lại xe mô tô biển số 59D2 - 150.84 cho bà H để trả cho ông Ái E rồi bị cáo bỏ đi.

Khoảng 08 giờ ngày 01/07/2024, bà H hẹn ông E đến quán nước không số, Ấp 59, xã A để trả xe. Tại đây, khi bà H kể lại cho ông E biết việc S thừa nhận đã lấy xe mô tô và S đã sử dụng hết tiền ở bên trong cốp xe của ông E và đề nghị trả dần số tiền này thì ông E không đồng ý mà trình báo Công an xã A.

Ngày 02/7/2024, Nguyễn Thanh S đến Công an xã A đầu thú và giao nộp lại số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo tiêu xài còn lại và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR. Công an xã A lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra, xử lý. Kết quả xét nghiệm cho thấy S dương tính với ma túy.

Kết luận định giá tài sản số 2081/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 54D2-150.84 trị giá 33.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đồng thời cho biết bị cáo không nói cho L biết nguồn gốc của tiền và xe mô tô biển số 54D2-105.84. Đồng thời, nguồn gốc ma túy mà bị cáo sử dụng là do bị cáo mua của 01 người không rõ lai lịch, bị cáo lén lút sử dụng một mình tại xưởng ó keo, không ai biết. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Ái E, ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Tuyết H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 314/CT-VKS ngày 16/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thanh S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 01 (một) năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tù.

Về dân sự: Ông Nguyễn Ái E đã nhận lại xe mô tô biển số 59D2-150.84 và số tiền 7.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu

iPhone XR số imei 352884119276534, sim số 09088486457 đã qua sử dụng do Nguyễn Thanh S giao nộp và khai nhận đây là điện thoại mà bị cáo mua của L bằng số tiền đã lấy trộm của ông Ái E với giá 2.700.000 đồng;

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi ngắn tay, màu đen, sọc trắng trên hai vai áo đã qua sử dụng; 01 quần Jean short màu xám đã qua sử dụng;

- Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án: 02 USB chứa dữ liệu hình ảnh do camera ghi lại liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Vào ngày 29/6/2024 tại xưởng ó keo địa chỉ nhà không số, Ấp 34, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thanh S có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 59D2-150.84 trị giá 33.500.000 đồng và số tiền 16.000.000 đồng (tổng trị giá là 49.500.000 đồng) của ông Nguyễn Ái E và 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 59D2-150.84, 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Ái E.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thanh S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú và tự nguyện giao trả lại 01 xe mô tô biển số 59D2-150.84; số tiền 7.000.000 đồng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 59D2-150.84 và 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Ái E cho bị hại nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với người tên L là người mượn tiền của S và bán điện thoại di động iPhone XR cho S, qua điều tra chưa rõ lai lịch và S không nói cho L biết xe mô tô và tiền mua điện thoại di động là tài sản do phạm tội mà nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Tuyết H do không biết trước việc S trộm cắp tài sản, sau khi được bị cáo giao xe mô tô biển số 59D2-150.84 để trả cho ông Nguyễn Ái E thì đã hẹn gặp ông Ái E để trả xe giùm cho S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô Honda SH Mode biển số 59D2-150.84 do chị Trần Mỹ H1 đứng tên chủ sở hữu; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 59D2-150.84 mang tên Trần Mỹ H1, 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Ái E và số tiền 7.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã sử dụng nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone XR có imei 352884119276534, sim số 09088486457 đã qua sử dụng do Nguyễn Thanh S giao nộp và khai nhận đây là điện thoại mà S mua của L bằng số tiền đã lấy trộm của ông Ái E với giá 2.700.000 đồng: Xét thấy, đây là tài sản bị cáo có được từ việc sử dụng số tiền chiếm đoạt tài sản của bị hại để mua và bị hại không yêu cầu bồi thường nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 áo sơ mi ngắn tay, màu đen, sọc trắng trên hai vai áo đã qua sử dụng; 01 quần Jean short màu xám đã qua sử dụng (trang phục mà S mặc khi lấy trộm tài sản): Xét thấy tài sản này để lâu không sử dụng được và tại phiên tòa bị cáo khai không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 USB chứa dữ liệu hình ảnh do camera ghi lại liên quan đến vụ án, chuyển kèm hồ sơ vụ án: Xét thấy cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2024.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu Iphone XR số imei 352884119276534, sim số 09088486457 đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thanh S;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi ngắn tay, màu đen, sọc trắng trên hai vai áo đã qua sử dụng; 01 quần Jean short màu xám đã qua sử dụng;

(Các vật chứng trên đang giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/10/2024 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

- Lưu theo hồ sơ vụ án: 02 USB chứa dữ liệu hình ảnh do camera ghi lại liên quan đến vụ án (vật này đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

3. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về án phí: Bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa; Trại giam T30;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Lâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm

